

Bản án số 03/2018/HSST
Ngày 26/01/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Long

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mười – Cán bộ nghỉ chế độ hưu trí
2. Ông Trần Quang Huyền – Trưởng Công an xã Minh Tiến.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khánh - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia
phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong - Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện
Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã
thụ lý số: 79 /2017/HSST ngày 28/12/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số 02/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Cổ Văn H, sinh ngày 16/5/1981** tại xã V, huyện Đ, tỉnh Thái
Nguyên.

Nơi ĐKKHKT: Đội 3, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú: Xóm D, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Ngái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm
ruộng; Học vấn: 09/12

Bố đẻ: Cổ Văn H (đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Th – sinh năm 1954. Vợ
Luu Thị H, sinh năm 1992 và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam – Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh La Đức T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Xóm 7, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1998

Địa chỉ: Xóm 5, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Anh Giang Văn T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Xóm 7, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

4. Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1993

Địa chỉ: Xóm 9, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

5. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1980

Địa chỉ: Xóm C, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

6. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Xóm C, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Người làm chứng:

1. Anh Trần Văn T1, sinh năm 1975

Địa chỉ: Xóm D, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Phạm Minh L, sinh năm 1949

Địa chỉ: Xóm D, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 27/9/2017 Tổ Công tác công an huyện Đ phối hợp với Công an xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tuần tra trên địa bàn xóm D, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang đối tượng Cỗ Văn H đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức bán số đề cho 02 đối tượng là Nguyễn Thanh L, sinh năm 1998, trú tại xóm 5, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và La Đức T, sinh năm 1995, trú tại xóm 7, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với H, thu giữ vật chứng là 02 tờ cáp ghi số lô, đề; 450.000đ và đưa các đối tượng về cơ quan CSĐT Công an huyện Đ để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa Cỗ Văn H khai nhận như sau:

Từ đầu tháng 9/2017 Cổ Văn H do biết có một số người trên địa bàn xã K, huyện Đ và một số xã lân cận có nhu cầu mua số lô, số đề nên H đã bán số lô, số đề cho các đối tượng quen biết và không quen biết tại nhà riêng của H thuộc xóm D, xã K, huyện Đ bằng hình thức bán số lô, số đề. Người mua trực tiếp hoặc thông qua tin nhắn điện thoại. Đối với khách mua trực tiếp thì H ghi các số lô, đề vào một mảnh giấy đã chuẩn bị từ trước đưa cho khách, sau đó thống kê các số lô, đề đã bán vào bảng thống kê chi tiết của mình. Đối với khách mua số lô, đề qua tin nhắn H đều lưu lại ở hộp thư đến và mục các tin nhắn đã gửi. Các tin nhắn gửi đến đề mua số lô, đề đều được H xác nhận bằng cách nhắn tin với nội dung trả lời là “ok”, nếu khách quen của H được thống nhất với nhau từ trước thì chỉ cần nhắn tin đến là coi như H đã chấp nhận. Về hình thức chơi: Đối với số đề thì người mua các số từ 00 đến 99. Đến cuối ngày đọ với hai số cuối cùng của giải đặc biệt của số số Miền Bắc nếu trùng là trúng thưởng. Với số lô, người mua bất kỳ số nào từ 00 đến 99. Đến cuối ngày đọ với tất cả các giải của số số Miền Bắc nếu có 2 số đã mua trùng thì được coi là trúng thưởng. Tỷ lệ cá cược như sau: Với số đề cứ mua 1.000đ nếu trúng thì được 70.000đ. Số đề 23.000đ = 1 điểm. Nếu trúng thì cứ 1 điểm được 80.000đ. Những số lô, đề H đã bán cho khách, H không chuyển cho ai mà lưu lại trong bảng thống kê và giữ lại để ngày hôm sau khách đến đối chiếu kết quả trúng thưởng hoặc không trúng thưởng thì H và người mua sẽ thanh toán cho nhau.

Ngày 27/9/2017 Cổ Văn H đã bán số lô, số đề bằng hình thức qua tin nhắn điện thoại cho những người sau.

+ Giang Văn T, sinh năm 1981, trú quán tại xóm 7, xã V, huyện Đ số đề 79 x 150.000 đồng; Lô 39 x 10 điểm, 59 x 5 điểm với tổng số tiền 495.000 đồng.

+ Hoàng Thái Đ, sinh năm 1993, trú tại xóm 9, xã V, huyện Đ mua các số: Số lô 59, 33, 78 mỗi số 20 điểm (1 điểm = 23.000đ), 51, 64 mỗi số 10 điểm, các số đề 00, 11, 33, 44 mỗi số 30.000đ, đề 95 = 50.000đ với tổng số tiền 2.010.000 đồng.

+ Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1980, trú tại xóm C, xã K, huyện Đ các số: Số lô 15, 81 mỗi số 10 điểm, số đề đầu 8 = 300.000đ, các số đề 78, 88 mỗi số 100.000đ với tổng số tiền 960.000 đồng.

+ Nguyễn Văn T, sinh năm 1971, trú tại xóm C, xã K, huyện Đ các số: Lô 16, 61 mỗi con 30 điểm, các số đề; Đầu 8 đuôi 8 mỗi số 30.000 đồng, các số 33, 38, 83, 50, 05, 66, 55, 16, 61 mỗi số 50.000 đồng, với tổng số tiền 2.430.000 đồng.

+ Một người đàn ông tên T1 vợ là Yến ở xóm D, xã K, huyện Đ dùng số thuê bao 0962.837.286 nhắn tin đến số điện thoại của H mua số đề 99, 78, 18 mỗi số 20.000đ, số lô 78, 19 mỗi số 10 điểm, số lô 91, 35 mỗi số 05 điểm. Tổng số tiền H bán số lô, số đề cho T1 là 750.000 đồng.

+ Một người đàn ông khoảng 50 tuổi ở xóm D, xã K dùng số điện thoại 01664.627.437 nhắn tin đến số điện thoại của H mua các số lô 00 = 15 điểm. Tổng số tiền H bán số lô cho người này là 345.000 đồng.

+ Một người đàn ông khoảng 40 tuổi ở xã Văn Yên, huyện Đại Từ dùng số thuê bao 0943.781.406 nhắn tin đến số điện thoại của H mua các số lô 50.55.09 mỗi số 35 điểm. Tổng số tiền H bán số lô cho người này là 2.415.000 đồng.

Đến khoảng 18 giờ ngày 27/9/2017 H tiếp tục bán số đề Nguyễn Thanh L sinh năm, 1998, trú tại xóm 5, xã V, huyện Đ các số đề 72, 98, 05, 50 mỗi số 50.000 đồng = 200.000 đồng.

+ La Đức T, sinh năm 1995, trú quán tại xóm 7, xã V, huyện Đ các số đề 56, 65, 57, 75, 73 mỗi số 50.000 đồng = 250.000 đồng. Khi L và T đang đưa tiền cho H thì bị tổ công tác công an huyện Đ và công an xã K phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng như nêu trên. Tại thời điểm bị bắt chưa có kết quả xử lý ngày 27/9/2017.

Sau khi hành vi đánh bạc của H bị bắt quả tang thì một số đối tượng đã tự nguyện giao nộp số tiền liên quan đến việc đánh bạc với Cổ Văn H trong ngày 27/9/2017, cụ thể: Nguyễn Văn Đ giao nộp 960.000 đồng; Hoàng Thái Đ giao nộp 2.010.000 đồng; Giang Văn T giao nộp 495.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A 37F; Nguyễn Văn T giao nộp 2.430.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu GIONEE.

Tại bản cáo trạng số01 /KSĐT-TA ngày 26/12/2017 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Cổ Văn H về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 của BLHS.

Tại phiên tòa ngày hôm nay đại diện VKSND huyện Đ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; Điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 60 của BLHS xử phạt bị cáo mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Phạt bổ sung bị cáo từ 3.000.000đ đến 5.000.000đ sung công quỹ và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1}. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không xuất trình được chứng cứ nào. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều H pháp.

{2.} Về căn cứ buộc tội:

Bị cáo H khai nhận: Từ đầu tháng 9/2017 bị cáo do biết có một số người trên địa bàn xã K, huyện Đ và một số xã lân cận có nhu cầu mua số lô, số đề nên bị cáo đã bán số lô, số đề cho các đối tượng quen biết và không quen biết tại nhà riêng của bị cáo thuộc xóm D, xã K, huyện Đ bằng hình thức bán số lô, số đề trực tiếp cho khách hoặc thông qua tin nhắn điện thoại. Đối với khách mua trực tiếp bị cáo ghi các số lô, đề vào một mảnh giấy đã chuẩn bị từ trước đưa cho khách, sau đó thống kê các số lô, đề đã bán vào bảng thống kê chi tiết của mình. Đối với khách mua số lô, đề qua tin nhắn bị cáo đều lưu lại ở hộp thư đến và mục các tin nhắn đã gửi. Các tin nhắn gửi đến để mua số lô, đề đều được bị cáo xác nhận bằng cách nhắn tin với nội dung trả lời là “ok”, nếu khách quen từ trước thì chỉ cần nhắn tin đến là coi như đã được chấp nhận. Về hình thức chơi: Đối với số đề thì người mua các số từ 00 đến 99. Đến cuối ngày đọ với hai số cuối cùng của giải đặc biệt của số số Miền Bắc nếu trùng là trúng thưởng. Với số lô, người mua bất kỳ số nào từ 00 đến 99. Đến cuối ngày đọ với tất cả các giải của số số Miền bắc nếu có 2 số đã mua trùng thì được coi là trúng thưởng. Tỷ lệ

cá cược như sau: Với số đề cứ mua 1.000đ nếu trúng thì được 70.000đ. Số đề 23.000đ = 1 điểm. Nếu trúng thì cứ 1 điểm được 80.000đ.

Ngày 27/9/2017 bị cáo đã bán số lô, số đề bằng hình thức qua tin nhắn điện thoại như trong bản cáo trạng của VKSND huyện Đ. Số tiền bán đề ngày 27/9/2017 bị cáo mới nhận của L và T là 450.000đ. Số còn lại chưa ai thanh toán.

Lời khai của bị cáo phù H với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản bắt người phạm tội quả tang. Như vậy hành vi cá cược trái phép dưới hình thức bán số lô, số đề của bị cáo cho L, Tháng, T, T Đo và Đ với số tiền 6.345.000 đồng của Cổ Văn H đã phạm tội “Đánh bạc” phạm vào khoản 1 Điều 248 của BLHS năm 1999. Đối với số tiền theo H khai bán cho T1 và 02 người không quen biết, T1 không thừa nhận và không tìm được 02 người không quen biết với số tiền 3.510.000đ nên không đủ cơ sở buộc tội đối với H.

Tại Điều 248 của BLHS quy định:

1. “Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng...thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm”.

Tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: *“Điều luật quy định một hình phạt nhẹ hơn,... và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng với hành vi phạm tội đó thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành”.*

Tại Điều 321 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định như sau:

“Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành BLHS 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 thì bị cáo thuộc trường H áp dụng các tình tiết có lợi cho người phạm tội.

Do vậy bị cáo pH chịu hình phạt mà điều luật quy định.

{3}. Xét tính chất hành vi:

Xét về tính chất hành vi của bị cáo là ít nghiêm trọng. Hành vi đó làm mất trật tự an toàn xã hội. Như chúng ta biết cờ bạc là thói hư tật xấu do chế độ cũ để lại, nó là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác.

{4}. Xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì thấy bị cáo không pH chịu tình tiết tăng nặng nào.

Xét tình tiết giảm nhẹ TNHS thì thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường H ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định điểm h, p khoản 1 Điều 46 của BLHS.

Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự đây là tình tiết nhân thân cần xem xét trong quá trình nghị án.

{5}. Về hình phạt:

Căn cứ vào tính chất hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì cần nên cho bị cáo mức án từ 12 đến 15 tháng tù cho bị cáo được hưởng án treo thời gian thử thách 24 đến 30 tháng là phù H.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo từ 5.000.000đ - 6.000.000đ sung công quỹ nhà nước.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 bút bi mực màu xanh;

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu sam sung G531H có lắp số thuê bao 01262312474; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPOA37F màu đồng có lắp số thuê bao 0916.556.526; 01 điện thoại di động nhãn hiệu GIONEF vỏ nhựa màu trắng có lắp số thuê bao 0945455970 và số tiền 6.345.000đ (sáu triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Chiếc bút bi cần tịch thu tiêu hủy

{6}. Về án phí: Bị cáo pH chịu án phí theo quy định sung công quỹ nhà nước.

Trong vụ án này còn có Nguyễn Thanh L, La Đức T, Giang Văn T, Hoàng Thái Đ, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T có hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, đề với H trong ngày 27/9/2017. Nhưng số tiền đánh bạc của từng người với H dưới 5.000.000 đồng, các đối tượng chưa có tiền án về tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gá bạc. Xét hành vi nêu trên của các đối tượng không cấu thành tội phạm hình sự nên công an huyện Đ đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với L, T, Đ, T, Đ, T theo quy định.

Theo H khai có đối tượng T1, trú quán ở xóm D, xã K, huyện Đ có nhắn tin mua số lô, số đề của H. Quá trình điều tra, tiến hành ghi lời khai của T1, T1 không thừa nhận có hành vi đánh bạc với H như H khai trên. Đối với 02 đối tượng là một người đàn ông khoảng 50 tuổi ở xóm D, xã K, huyện Đ và một người đàn ông khoảng 40 tuổi ở xã Văn Yên, huyện Đ có nhắn tin mua số lô, đề của H. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được lai lịch của hai người này nên không có căn cứ để xử L đối với T1 và 02 người đàn ông trên.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Cổ Văn H phạm tội; “Đánh bạc”.

Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248 ; Điểm h, p khoản 1 Điều 46; 60 của BLHS năm 1999. khoản 3 Điều 7; Điều 321BLHS Năm 2015 được sử dụng bổ sung năm 2017; Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội

Xử phạt: Cổ Văn H: 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về UBND xã **K**, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ xung bị cáo 5.000.000đ (Năm triệu đồng) xung công quỹ nhà nước.

* Vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS và Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu xung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu sam sung G531H có lắp số thuê bao 01262312474; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPOA37F màu đồng có lắp số thuê bao 0916.556.526; 01 điện thoại di động nhãn hiệu GIONEF vỏ nhựa màu trắng có lắp số thuê bao 0945455970 và số tiền 6.345.000đ (sáu triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy 01 bút bi mực màu xanh.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng như mô tả trong quyết định chuyển vật chứng số 01/KSĐT ngày 26/12/2017 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Đ)

***/ Về án phí:** Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo H pH chịu 200.000 đ án phí HSST sung công.

Báo cho bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an huyện Đ;(3b)
- VKSND huyện Đ;(2b)
- Chi cục THADS Đ + THAHS;
- Người tham gia TT;
- Lưu HS
- Lưu VP

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Đức Long